**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN H**
**TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 5 năm 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Liêu Tài Ngoánh

Ông Huỳnh Tài Em

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Văn Dư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa***: Ông Văn Hữu Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Ngọc C, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 tại ấp H, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 10/12/2012. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, từ năm 2018 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân. Nay chị C nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 17/9/2013 hiện đang sống với chị C, ngoài ra không còn

con chung nào khác. Nay ly hôn chị C yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn N, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N theo quy định nhưng anh N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh N; anh N cũng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án; anh N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án, Tòa án đến nhà của anh N để làm việc nhưng không gặp nên không có lời khai.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:* - Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Ngọc C, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh N. Về con chung, đề nghị giao 01 con chung tên Nguyễn Gia T cho chị C nuôi dưỡng, về cấp dưỡng do chị C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận:

*Về tố tụng:*

Chị C yêu cầu ly hôn với anh N, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh N cư trú tại xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị C có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C, anh N.

*Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 10/12/2012 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Theo chị C, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không hợp lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 đến nay, nay chị C xác định không còn tình cảm với anh N nữa nên cương quyết yêu

cầu ly hôn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh N nhưng anh N không quan tâm, quá trình giải quyết vụ án anh N không lần nào đến Tòa án và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị C. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình nhưng nay chị C cương quyết xin ly hôn với anh N mà anh N không có thiện chí hòa giải cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của anh chị không có khả năng hàn gắn lại được. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, chị C yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với anh N thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C, cho chị C được ly hôn với anh N.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 17/9/2013 hiện đang sống với chị C, ngoài ra không còn con chung nào khác. Nay ly hôn chị C yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai của cháu Thuận, cháu Thuận có nguyện vọng ở với mẹ, đây là sự tự nguyện của cháu Thuận, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật. Do đó, việc giao cháu Thuận cho chị C nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của cháu Thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, giao cháu Thuận cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị C, giao cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 17/9/2013 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 81 và Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lâm Thị Ngọc C đối với anh Nguyễn Văn N. Xử cho chị Lâm Thị Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 17/9/2013 cho chị Lâm Thị Ngọc C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lâm Thị Ngọc C phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 000398 ngày 09/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện H;
-CCTHADS huyện H;
-Đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Thanh Tâm**